

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Thành Thành Công Gia Lai**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Thành Thành Công Gia Lai

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 37

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Thành Thành Công Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Thành Thành Công Gia Lai ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai, là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5900421955 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 2 tháng 8 năm 2007 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía; trồng cây mía, sản xuất và phân phối điện; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chế biến hàng nông sản; sản xuất và kinh doanh phân bón và đầu tư tài chính.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Số 561, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Cheo Reo, Thị xã Ayunpa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên Hội đồng Thành viên trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thanh Ngữ	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 3 tháng 10 năm 2016
Ông Nguyễn Quốc Việt	Chủ tịch	từ nhiệm ngày 3 tháng 10 năm 2016
Ông Nguyễn Thanh Ngữ	Phó Chủ tịch	từ nhiệm ngày 3 tháng 10 năm 2016
Ông Nguyễn Quốc Việt	Thành viên	bổ nhiệm ngày 3 tháng 10 năm 2016
Ông Lê Văn Dĩnh	Thành viên	
Ông Lê Quang Hải	Thành viên	

BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Bá Chủ	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Lừng	Phó Tổng Giám đốc thường trực

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là:

Ông Nguyễn Thanh Ngữ	bổ nhiệm ngày 3 tháng 10 năm 2016
Ông Nguyễn Quốc Việt	từ nhiệm ngày 3 tháng 10 năm 2016

Ông Nguyễn Bá Chủ được Ông Nguyễn Thanh Ngữ ủy quyền ký báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo Nghị quyết Hội đồng Thành viên số 03/2017/NQ-HĐTV vào ngày 21 tháng 1 năm 2017.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Thành Thành Công Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Thành Thành Công Gia Lai ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Nguyễn Bá Chủ
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 4 năm 2017

Số tham chiếu: 61248763/19302543-LR

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Hội đồng Thành viên Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Thành Thành Công Gia Lai

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Thành Thành Công Gia Lai ("Công ty") được lập ngày 17 tháng 4 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 37 bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Quang Minh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 0426-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 4 năm 2017

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Thành Thành Công Gia Lai

B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		717.224.235.443	686.303.299.140
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	43.725.704.071	56.364.700.935
111	1. Tiền		43.725.704.071	21.464.700.935
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	34.900.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		573.732.821.349	409.273.132.137
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	38.546.290.430	314.229.607.842
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	162.941.705.430	90.238.289.679
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	343.800.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	28.444.825.489	4.805.234.616
140	III. Hàng tồn kho	9	35.572.183.091	216.619.169.653
141	1. Hàng tồn kho		35.572.183.091	216.619.169.653
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		64.193.526.932	4.046.296.415
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	63.535.285.680	3.938.619.152
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		658.241.252	52.963.784
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		-	54.713.479
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		868.287.279.920	885.688.488.529
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		56.737.528.219	46.808.893.985
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn	6	56.737.528.219	46.799.893.985
216	2. Phải thu dài hạn khác		-	9.000.000
220	II. Tài sản cố định		636.491.439.461	667.909.014.898
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	570.856.611.358	599.785.836.299
222	Nguyên giá		969.685.819.877	965.139.106.615
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(398.829.208.519)	(365.353.270.316)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	65.130.930.398	67.610.055.686
225	Nguyên giá		73.767.448.385	73.767.448.385
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(8.636.517.987)	(6.157.392.699)
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	503.897.705	513.122.913
228	Nguyên giá		1.110.686.516	1.110.686.516
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(606.788.811)	(597.563.603)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		8.579.287.827	2.992.636.514
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	8.579.287.827	2.992.636.514
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	15	160.119.552.000	160.119.552.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		130.000.000.000	130.000.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		30.119.552.000	30.119.552.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		6.359.472.413	7.858.391.132
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	6.359.472.413	7.858.391.132
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.585.511.515.363	1.571.991.787.669

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Thành Thành Công Gia Lai

B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.061.462.261.790	1.054.033.522.548
310	I. Nợ ngắn hạn		825.414.791.533	791.929.662.227
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	30.016.973.546	11.571.837.100
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	238.877.616.593	140.593
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	173.231.310	4.355.730.910
314	4. Phải trả người lao động		1.259.473.234	8.342.155.834
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	8.341.558.848	9.902.031.340
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	1.270.317.340	8.906.318.633
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	543.463.564.431	748.373.268.756
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.012.056.231	478.179.061
330	II. Nợ dài hạn		236.047.470.257	262.103.860.321
337	1. Phải trả dài hạn khác		185.500.000	185.500.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	235.861.970.257	261.918.360.321
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		524.049.253.573	517.958.265.121
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	524.049.253.573	517.958.265.121
411	1. Vốn điều lệ đã góp		389.998.760.000	389.998.760.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		(255.383.119)	(255.383.119)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		54.362.914.423	54.362.914.423
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		79.942.962.269	73.851.973.817
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		67.515.695.978	44.915.244.726
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		12.427.266.291	28.936.729.091
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.585.511.515.363	1.571.991.787.669

Dương Thúy Hằng
Người lập

Nguyễn Văn Kim Cương
Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Chủ
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 4 năm 2017

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Thành Thành Công Gia Lai

B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	274.139.631.682	320.301.436.185
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	-	(7.027.851.961)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	274.139.631.682	313.273.584.224
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24, 28	(220.828.712.366)	(269.963.167.581)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		53.310.919.316	43.310.416.643
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	17.974.727.366	8.743.234.951
22	7. Chi phí tài chính	25	(37.533.506.051)	(26.221.981.742)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(29.684.546.330)	(26.212.381.742)
25	8. Chi phí bán hàng	26, 28	(7.987.052.241)	(6.159.087.923)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26, 28	(13.889.156.187)	(13.302.357.104)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		11.875.932.203	6.370.224.825
31	11. Thu nhập khác	27	1.312.315.659	1.477.039.459
32	12. Chi phí khác	27	(623.148.049)	(414.742.709)
40	13. Lợi nhuận khác	27	689.167.610	1.062.296.750
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		12.565.099.813	7.432.521.575
51	15. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hiện hành	29.1	(137.833.522)	3.245.151.589
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		12.427.266.291	10.677.673.164

Dương Thúy Hằng
Người lập

Nguyễn Văn Kim Cương
Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Chủ
Tổng Giám đốc



Ngày 17 tháng 4 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		12.565.099.813	7.432.521.575
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định		37.710.563.707	15.272.203.524
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(10.344.150.912)	(9.449.239.046)
06	Chi phí lãi vay	25	29.684.546.330	26.212.381.742
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		69.616.058.938	39.467.867.795
09	Giảm các khoản phải thu		172.841.043.930	111.233.255.637
10	Giảm hàng tồn kho		181.046.986.562	112.947.250.446
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		235.476.026.269	(27.666.263.798)
12	Tăng chi phí trả trước		(58.097.747.809)	(23.680.055.900)
14	Tiền lãi vay đã trả		(31.905.538.632)	(25.532.057.301)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(2.300.171.801)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.802.400.669)	(3.861.294.554)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		564.174.428.589	180.608.530.524
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm tài sản cố định		(11.170.275.531)	(64.891.622.263)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		1.464.545.455	2.272.727.273
23	Tiền chi cho vay		(405.800.000.000)	(99.716.100.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		62.000.000.000	99.305.983.760
25	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		-	(44.643.219.455)
27	Tiền thu lãi tiền gửi, tiền cho vay		7.658.399.012	8.227.875.263
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(345.847.331.064)	(99.444.355.422)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		620.404.982.345	500.340.044.202
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(846.789.662.194)	(540.728.389.812)
35	Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính		(4.581.414.540)	(2.290.707.270)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(230.966.094.389)	(42.679.052.880)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

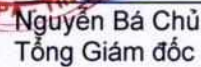
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
50	(Giảm) tăng tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong kỳ		(12.638.996.864)	38.485.122.222
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		56.364.700.935	58.463.683.622
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	43.725.704.071	96.948.805.844



Dương Thúy Hằng
Người lập



Nguyễn Văn Kim Cương
Kế toán trưởng



Nguyễn Bá Chủ
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 4 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Thành Thành Công Gia Lai ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai, là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5900421955 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 2 tháng 8 năm 2007 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía; trồng cây mía, sản xuất và phân phối điện; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chế biến hàng nông sản; sản xuất và kinh doanh phân bón và đầu tư tài chính.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Số 561, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Cheo Reo, Thị xã Ayunpa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 438 (ngày 30 tháng 6 năm 2016: 429).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 và kết thúc ngày 30 tháng 6.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--|--|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa | - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường, theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.4 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.5 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản cố định thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ khi Công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

3.8 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Phần mềm máy tính	4 - 5 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của các khoản tiền thuê đất đã trả. Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

Chi phí phân bổ ngoài vụ được tính toán và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở sản lượng đường thực tế sản xuất trong kỳ.

3.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên số lượng điện thực tế đã bán và chuyển tải lên lưới điện theo giá bán điện đã thỏa thuận trước.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Thành Thành Công Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
Tiền mặt	265.357.743	172.053.596
Tiền gửi ngân hàng	43.460.346.328	21.292.647.339
Các khoản tương đương tiền	-	34.900.000.000
TỔNG CỘNG	<u>43.725.704.071</u>	<u>56.364.700.935</u>

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
Phải thu bên liên quan (<i>Thuyết minh số 30</i>)	34.644.212.131	314.016.463.333
Phải thu bên khác	3.902.078.299	213.144.509
TỔNG CỘNG	<u>38.546.290.430</u>	<u>314.229.607.842</u>

Khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (*Thuyết minh số 21.1 và 21.2*).

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
Ngắn hạn	162.941.705.430	90.238.289.679
Nông dân	121.362.628.048	89.585.127.681
Các bên khác	41.579.077.382	653.161.998
Dài hạn		
Nông dân	56.737.528.219	46.799.893.985
TỔNG CỘNG	<u>219.679.233.649</u>	<u>137.038.183.664</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên khác</i>	179.698.414.449	136.659.438.164
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	39.980.819.200	378.745.500

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Thành Thành Công Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2016

Cho vay bên liên quan (<i>Thuyết minh số 30</i>)	<u>343.800.000.000</u>	<u>-</u>
--	------------------------	----------

Chi tiết các khoản cho vay ngắn hạn bên liên quan như sau:

Bên vay	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
---------	--------------------	-------------------	------------------------	----------------------

Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín

Hợp đồng số 06/2016/HĐVV/ ST-TTCS ngày 10 tháng 8 năm 2016	109.000.000.000	Ngày 10 tháng 2 năm 2017	10,0	Bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công
--	-----------------	--------------------------------	------	--

Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công

Hợp đồng số 129/2016/HĐVV/ SEC-TTC ngày 9 tháng 9 năm 2016	88.800.000.000	Ngày 13 tháng 6 năm 2017	8,5	Tin chấp
--	----------------	--------------------------------	-----	----------

Hợp đồng số 318/2016/HĐVV/ SEC-TTC ngày 31 tháng 8 năm 2016	75.000.000.000	Ngày 28 tháng 2 năm 2017	8,0	Tin chấp
---	----------------	--------------------------------	-----	----------

Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công

Hợp đồng số 160/2016/HĐVV/ TMTTC-TTCS ngày 23 tháng 9 năm 2016	41.000.000.000	Ngày 24 tháng 3 năm 2017	9,5	Tin chấp
--	----------------	--------------------------------	-----	----------

Hợp đồng số 247/2016/HĐVV/ TMTTC-TTCS ngày 27 tháng 12 năm 2016	30.000.000.000	Ngày 19 tháng 6 năm 2017	9,5	Tin chấp
---	----------------	--------------------------------	-----	----------

TỔNG CỘNG	<u>343.800.000.000</u>			
------------------	-------------------------------	--	--	--

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2016

Cho mượn	18.900.000.000	-
Lãi phải thu	5.999.247.441	2.211.423.566
Chi hộ	2.895.009.309	-
Tạm ứng cho nhân viên	380.717.600	2.239.213.775
Khác	269.851.139	354.597.275

TỔNG CỘNG	<u>28.444.825.489</u>	<u>4.805.234.616</u>
------------------	------------------------------	-----------------------------

Trong đó:

<i>Bên khác</i>	6.184.788.968	2.542.393.050
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	22.260.036.521	2.262.841.566

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Thành Thành Công Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

9. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
Thành phẩm	4.507.813.371	200.102.096.111
Nguyên vật liệu	14.741.731.282	14.518.914.877
Công cụ, dụng cụ	4.039.001.035	1.191.773.552
Hàng hóa	1.087.962.309	806.385.113
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	11.195.675.094	-
TỔNG CỘNG	<u>35.572.183.091</u>	<u>216.619.169.653</u>

Hàng tồn kho được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (*Thuyết minh số 21.1*).

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
Ngắn hạn	63.535.285.680	3.938.619.152
Chi phí phân bổ ngoài vụ	63.265.978.180	3.891.252.480
Khác	269.307.500	47.366.672
Dài hạn	6.359.472.413	7.858.391.132
Chi phí đất (i)	3.221.735.911	3.514.187.997
Công cụ, dụng cụ	2.305.421.984	2.996.060.400
Khác	832.314.518	1.348.142.735
TỔNG CỘNG	<u>69.894.758.093</u>	<u>11.797.010.284</u>

(i) Quyền sử dụng đất trị giá 1.093.626.666 VND được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai (*Thuyết minh số 21.1 và 21.2*).

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thành viên Thành Công Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					VND
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	160.102.610.558	784.680.330.112	16.209.744.911	4.146.421.034	965.139.106.615
Mua mới	2.209.746.606	3.215.037.220	3.542.729.364	84.200.000	9.051.713.190
Thanh lý	(559.083.600)	(3.945.916.328)	-	-	(4.504.999.928)
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	161.753.273.564	783.949.451.004	19.752.474.275	4.230.621.034	969.685.819.877
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	1.668.938.616	109.839.460.548	506.000.000	1.357.577.156	113.371.976.320
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	59.711.711.956	300.152.563.080	3.573.617.665	1.915.377.615	365.353.270.316
Khấu hao trong kỳ	4.765.264.989	29.221.493.916	915.603.353	319.850.953	35.222.213.211
Thanh lý	(420.067.222)	(1.326.207.786)	-	-	(1.746.275.008)
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	64.056.909.723	328.047.849.210	4.489.221.018	2.235.228.568	398.829.208.519
Giá trị còn lại:					
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	100.390.898.602	484.527.767.032	12.636.127.246	2.231.043.419	599.785.836.299
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	97.696.363.841	455.901.601.794	15.263.253.257	1.995.392.466	570.856.611.358
Trong đó					
Tài sản cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 21.1 và 21.2)	36.710.741.367	320.373.492.971	-	-	357.084.234.338

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Thành Thành Công Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào Ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	VND
	<i>Máy móc thiết bị</i>
Nguyên giá:	
Ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>73.767.448.385</u>
Giá trị khấu hao lũy kế:	
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	6.157.392.699
Khấu hao trong kỳ	<u>2.479.125.288</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>8.636.517.987</u>
Giá trị còn lại:	
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>67.610.055.686</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>65.130.930.398</u>

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	VND Tổng cộng
Nguyên giá:			
Ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>430.000.000</u>	<u>680.686.516</u>	<u>1.110.686.516</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	-	597.563.603	597.563.603
Hao mòn trong kỳ	-	<u>9.225.208</u>	<u>9.225.208</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	-	<u>606.788.811</u>	<u>606.788.811</u>
Giá trị còn lại:			
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>430.000.000</u>	<u>83.122.913</u>	<u>513.122.913</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>430.000.000</u>	<u>73.897.705</u>	<u>503.897.705</u>

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2016
Dự án hoàn thiện nhà máy	5.586.651.313	-
Hệ thống ERP	<u>2.992.636.514</u>	<u>2.992.636.514</u>
TỔNG CỘNG	<u>8.579.287.827</u>	<u>2.992.636.514</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào Ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 15.1)	130.000.000.000	130.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 15.2)	30.119.552.000	30.119.552.000
TỔNG CỘNG	160.119.552.000	160.119.552.000

15.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết về các khoản đầu tư trực tiếp vào công ty con như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Ngày 30 tháng 6 năm 2016	
	Chi phí đầu tư	% sở hữu	Chi phí đầu tư	% sở hữu
	VND		VND	
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Gia Lai (i)	130.000.000.000	100	130.000.000.000	100

(i) Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Gia Lai ("Nhiệt điện Gia Lai") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 5900974477 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 9 tháng 12 năm 2013. Hoạt động chính của Nhiệt điện Gia Lai là sản xuất, truyền tải và phân phối điện; lắp đặt hệ thống điện; kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng và xây dựng công trình dân dụng.

15.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết về các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Ngày 30 tháng 6 năm 2016	
	Chi phí đầu tư	% sở hữu	Chi phí đầu tư	% sở hữu
	VND		VND	
Công ty TNHH Tư nhân Đầu tư TSU (i)	13.703.680.000	5,00	13.703.680.000	5,00
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong (ii)	12.215.872.000	6,58	12.215.872.000	6,58
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công (iii)	4.200.000.000	14,00	4.200.000.000	14,00
TOTAL	30.119.552.000		30.119.552.000	

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Thành Thành Công Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào Ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)

- (i) Công ty TNHH Tư nhân Đầu tư TSU ("TSU") được thành lập tại Singapore theo Giấy đăng ký Kinh doanh số 201530328M ngày 29 tháng 7 năm 2015. Hoạt động chính của TSU là mua bán, sản xuất và đóng gói đường thô, đường tinh luyện để bán trong lãnh thổ Singapore và xuất khẩu trong khu vực. Vào ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đang trong quá trình hoàn thành các thủ tục đăng ký với Bộ Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai liên quan đến khoản đầu tư này.
- (ii) Công ty Cổ phần Đường Nước Trong ("Đường Nước Trong") được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 299/QĐ-CT do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 7 tháng 4 năm 2005 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở chính của Đường Nước Trong đặt tại Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của Đường Nước Trong là sản xuất đường; trồng mía, lúa mì, cao su và các loại cây lâm sản; chế biến hàng nông sản, thực phẩm, chế biến đồ uống có cồn; gia công, chế tạo và lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp thực phẩm; kinh doanh xuất nhập khẩu tổng hợp.
- (iii) Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công ("Mía đường TTC") được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 3901162964 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21 tháng 3 năm 2013 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở chính của Mía đường TTC đặt tại số 99, Ấp Bình Hòa, Xã Thái Bình, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của Mía đường TTC là nghiên cứu và lai tạo mía giống; phân tích đất, kỹ thuật canh tác và thuốc bảo vệ thực vật; chế tạo máy móc cơ giới trong sản xuất mía.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
Bên khác	19.892.316.156	8.868.825.238
Trong đó:		
Công ty TNHH MTV Thiết bị Mè Kông	2.066.366.000	-
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây lắp Hùng Vương	1.401.722.972	2.064.338.090
Công ty Cổ phần Hùng Long	-	1.103.615.931
Khác	16.424.227.184	5.700.871.217
Bên liên quan (Thuyết minh số 30)	10.124.657.390	2.703.011.862
TỔNG CỘNG	30.016.973.546	11.571.837.100

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Thành Thành Công Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào Ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
Trả trước từ bên liên quan (Thuyết minh số 30)	238.740.000.000	-
Trả trước từ bên khác	137.616.593	140.593
TỔNG CỘNG	238.877.616.593	140.593

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Thuế giá trị gia tăng	4.194.768.372	10.139.352.919	14.334.121.291	-
Thuế thu nhập cá nhân	160.828.778	625.491.981	696.284.656	90.036.103
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	83.120.043	-	83.120.043
Thuế khác	133.760	949.240	1.007.836	75.164
TỔNG CỘNG	4.355.730.910	10.848.914.183	15.031.413.783	173.231.310

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
Chi phí lãi vay	7.928.760.356	8.349.556.825
Chi phí vận chuyển	-	1.082.353.587
Chi phí mua nguyên vật liệu	-	365.120.928
Khác	412.798.492	105.000.000
TỔNG CỘNG	8.341.558.848	9.902.031.340

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
Nhận ký quỹ	570.377.956	305.756.956
Mượn từ bên liên quan (Thuyết minh số 30)	-	6.514.109.964
Khác	699.939.384	2.086.451.713
TỔNG CỘNG	1.270.317.340	8.906.318.633

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Thành Thành Công Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

21. VAY

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
Ngắn hạn	543.463.564.431	748.373.268.756
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.1)	489.142.735.345	694.052.439.670
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 21.2)	43.438.000.000	43.438.000.000
Vay bên khác dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 21.3)	1.720.000.000	1.720.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (Thuyết minh số 21.4)	9.162.829.086	9.162.829.086
Dài hạn	235.861.970.257	261.918.360.321
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.2)	193.369.946.643	213.984.922.167
Vay bên khác (Thuyết minh số 21.3)	3.550.000.000	4.410.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn (Thuyết minh số 21.4)	38.942.023.614	43.523.438.154
TỔNG CỘNG	<u>779.325.534.688</u>	<u>1.010.291.629.077</u>

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thành viên Thành Thành Công Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

21. VAY (tiếp theo)

21.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Công ty sử dụng các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Kỳ hạn trả nợ gốc	Lãi suất %/ năm	Tài sản đảm bảo (Thuyết minh số 5, 9, 10 và 11)
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	158.000.000.000	Từ ngày 28 tháng 1 năm 2017 đến ngày 3 tháng 5 năm 2017	5,2 - 6,5	Các khoản phải thu và thành phẩm tồn kho tổng trị giá 120.000.000.000 VND và bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) – Chi nhánh Hồ Chí Minh	111.500.000.000	Từ ngày 6 tháng 3 năm 2017 đến ngày 6 tháng 5 năm 2017	5,5 - 5,8	Các khoản phải thu và thành phẩm tồn kho tổng trị giá 6.250.000 đô la Mỹ
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai	79.971.631.500	Từ ngày 15 tháng 5 năm 2017 đến ngày 29 tháng 5 năm 2017	5,0 - 6,5	Bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai	75.000.000.000	Ngày 27 tháng 2 năm 2017	7,5	Bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần Điện Gia Lai
Ngân hàng Maybank – Chi nhánh Hồ Chí Minh	42.065.913.950	Từ ngày 8 tháng 2 năm 2017 đến ngày 21 tháng 6 năm 2017	5,5 - 6,3	Các khoản phải thu và thành phẩm tồn kho tổng trị giá 2.500.000 đô la Mỹ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai	15.834.125.336	Từ ngày 27 tháng 4 năm 2017 đến ngày 19 tháng 6 năm 2017	5,6 - 6,3	Thành phẩm thương mại trị giá 126.000.000.000 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai	6.771.064.559	Từ ngày 7 tháng 3 năm 2017 đến ngày 20 tháng 4 năm 2017	5,5 - 5,7	Các khoản phải thu, quyền sử dụng đất, tài sản hình thành từ khoản vay, quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với Tổng Công ty Điện lực Miền Trung

TỔNG CỘNG **489.142.735.345**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thành viên Thành Thành Công Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

21. VAY (tiếp theo)

21.2 Vay dài hạn ngân hàng

Công ty sử dụng các khoản vay dài hạn từ ngân hàng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động và đầu tư hình thành tài sản cố định. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Kỳ hạn trả nợ gốc	Lãi suất %/ năm	Tài sản đảm bảo (Thuyết minh số 5, 9, 10 và 11)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai	229.157.891.020	Từ ngày 9 tháng 1 năm 2017 đến ngày 9 tháng 10 năm 2022	9,3	Các khoản phải thu, quyền sử dụng đất, tài sản hình thành từ khoản vay, quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với Tổng Công ty Điện lực Miền Trung
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai	7.650.055.623	Từ ngày 20 tháng 6 năm 2017 đến ngày 20 tháng 4 năm 2021	8,0 – 9,8	Máy móc thiết bị
TỔNG CỘNG	236.807.946.643			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	43.438.000.000			
Vay dài hạn	193.369.946.643			

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thành viên Thành Thành Công Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

21. VAY (tiếp theo)

21.3 Vay dài hạn từ bên khác

Công ty sử dụng các khoản vay dài hạn từ bên khác nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động và đầu tư hình thành tài sản cố định. Chi tiết như sau:

Bên cho vay	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Kỳ hạn trả nợ gốc	Lãi suất %/ năm	Tài sản đảm bảo
Quý Bảo vệ Môi trường Việt Nam	5.270.000.000	Từ ngày 25 tháng 3 năm 2017 đến ngày 25 tháng 3 năm 2020	5,40	Thư bảo lãnh từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả	1.720.000.000
Vay dài hạn	3.550.000.000

21.4 Nợ thuế tài chính

Công ty hiện đang thuế máy móc thiết bị theo hợp đồng thuê tài chính với Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuế phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Ngày 30 tháng 6 năm 2016	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu	Lãi thuế tài chính	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu	Lãi thuế tài chính
Nợ thuế tài chính ngắn hạn				
Từ 1 năm trở xuống	13.239.715.353	4.076.886.267	13.588.475.534	4.425.646.448
Nợ thuế tài chính dài hạn				
Từ 1 - 5 năm	44.405.360.439	7.754.044.119	45.997.402.004	9.346.085.666
Trên 5 năm	2.341.102.855	50.395.561	7.134.980.475	262.858.659
TỔNG CỘNG	59.986.178.647	11.881.325.947	66.720.858.013	14.034.590.773
				52.686.267.240

VND



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thành viên Thành Thành Công Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ đã góp	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Vốn khác của chủ sở hữu	Tổng cộng
					VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015					
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	389.998.760.000	54.362.914.423	39.022.582.556	(255.383.119)	483.128.873.860
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	10.677.673.164	-	10.677.673.164
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(3.504.769.712)	-	(3.504.769.712)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	389.998.760.000	54.362.914.423	46.195.486.008	(255.383.119)	490.301.777.312
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016					
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	389.998.760.000	54.362.914.423	73.851.973.817	(255.383.119)	517.958.265.121
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	12.427.266.291	-	12.427.266.291
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(6.336.277.839)	-	(6.336.277.839)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	389.998.760.000	54.362.914.423	79.942.962.269	(255.383.119)	524.049.253.573

22.2 Vốn điều lệ đã góp

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh	
Vốn điều lệ	% sở hữu
VND	VND
389.998.760.000	100
	Vốn điều lệ đã góp
	VND
	389.998.760.000

Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Thành Thành Công Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

23. DOANH THU

23.1 *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Tổng doanh thu	274.139.631.682	320.301.436.185
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán đường</i>	252.297.836.241	277.151.896.296
<i>Doanh thu bán mật đường</i>	2.023.840.000	17.793.544.095
<i>Doanh thu bán phân bón</i>	3.779.364.300	16.284.057.150
<i>Doanh thu khác</i>	16.038.591.141	9.071.938.644
Trừ		
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	-	(7.008.561.051)
<i>Giảm giá hàng bán</i>	-	(19.290.910)
Doanh thu thuần	274.139.631.682	313.273.584.224
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán đường</i>	252.297.836.241	270.143.335.245
<i>Doanh thu bán mật đường</i>	2.023.840.000	17.793.544.095
<i>Doanh thu bán phân bón</i>	3.779.364.300	16.284.057.150
<i>Doanh thu khác</i>	16.038.591.141	7.373.153.125
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	264.284.843.308	239.382.849.574
<i>Doanh thu đối với bên thứ ba</i>	9.854.788.374	73.890.734.650

23.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Thu nhập lãi	17.974.727.366	8.359.264.525
Thu nhập cổ tức	-	381.746.000
Khác	-	2.224.426
TỔNG CỘNG	17.974.727.366	8.743.234.951

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Thành Thành Công Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
		VND
Giá vốn đường	198.114.603.418	228.083.620.418
Giá vốn mật đường	2.023.840.000	17.714.001.768
Giá vốn phân bón	3.755.066.920	15.877.509.255
Khác	8.288.036.140	8.288.036.140
TỔNG CỘNG	<u>220.828.712.366</u>	<u>269.963.167.581</u>

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
		VND
Lãi vay	29.684.546.330	26.212.381.742
Khác	7.848.959.721	9.600.000
TỔNG CỘNG	<u>37.533.506.051</u>	<u>26.221.981.742</u>

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
		VND
Chi phí bán hàng	7.987.052.241	6.159.087.923
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.478.682.746	2.908.246.338
Khấu hao tài sản cố định	1.794.139.876	1.735.803.769
Chi phí nhân viên	467.580.123	504.960.056
Chi phí khác	246.649.496	1.010.077.760
Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.889.156.187	13.302.357.104
Chi phí nhân viên	7.830.401.023	6.976.381.126
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.138.471.899	2.465.370.726
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	856.858.701	721.692.447
Chi phí khác	3.063.424.564	3.138.912.805
TỔNG CỘNG	<u>21.876.208.428</u>	<u>19.461.445.027</u>

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Thành Thành Công Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

27. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Thu nhập khác	1.312.315.659	1.477.039.459
Phế liệu	1.277.478.182	708.228.121
Khác	34.837.477	768.811.338
Chi phí khác	623.148.049	414.742.709
Lỗ thanh lý tài sản cố định	622.866.621	-
Khác	281.428	414.742.709
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	689.167.610	1.062.296.750

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu và hàng hóa	186.182.808.032	197.309.319.423
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.823.534.760	30.376.716.442
Chi phí nhân công	20.708.575.625	29.885.932.035
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	14.237.714.257	21.582.773.260
Chi phí khác	4.752.288.119	10.269.871.448
TỔNG CỘNG	242.704.920.794	289.424.612.608

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 theo Công văn số 3121/CT-TTHT của Cục thuế Tỉnh Gia Lai ban hành ngày 22 tháng 10 năm 2015.

Các hoạt động còn lại của Công ty chịu thuế suất thuế TNDN là 20% thu nhập chịu thuế (2015: 22%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Chi phí thuế TNDN hiện hành	137.833.522	409.718.357
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa kỳ trước	-	(3.654.869.946)
TỔNG CỘNG	137.833.522	(3.245.151.589)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Lợi nhuận kế toán trước thuế	12.565.099.813	7.432.521.575
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	2.513.019.963	1.635.154.747
<i>Các khoản điều chỉnh</i>		
Thuế TNDN được miễn	(2.455.499.529)	(1.556.711.285)
Chi phí không được khấu trừ	80.313.089	246.505.219
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa kỳ trước	-	(3.654.869.946)
Khác	-	84.769.676
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN	137.833.522	(3.245.151.589)

29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Thành Thành Công Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh	Công ty mẹ	Bán hàng hóa Cho vay Thu tiền vay Thu nhập lãi	103.490.971.287 62.000.000.000 62.000.000.000 300.569.445	135.430.562.670 - - 1.007.274.451
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Gia Lai	Công ty con	Cho mượn Trả tiền mượn Mượn Cung cấp dịch vụ Bán hàng hóa	18.900.000.000 8.514.109.964 2.000.000.000 1.356.000.000 1.101.269.878	- - - 2.540.634.000 874.933.285
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Cho vay Chi phí lãi Thu nhập lãi Bán hàng hóa Thu tiền vay	163.800.000.000 5.796.847.221 4.356.333.335 2.023.840.000 -	10.000.000.000 - 469.924.915 2.691.176.953 10.000.000.000
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	Bên liên quan	Cho vay Bán hàng hóa Thu nhập lãi	109.000.000.000 21.085.714.287 7.187.968.208	- - 291.061.119

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Thành Thành Công Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong kỳ bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
				VND
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Cho vay Chi phí lãi Thu nhập lãi Bán hàng hóa Thu tiền vay	71.000.000.000 2.052.112.500 1.106.331.945 - -	73.000.000.000 - 926.950.692 73.909.986.190 73.000.000.000
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre	Bên liên quan	Bán hàng hóa Thu nhập lãi	33.846.428.571 1.554.510.070	26.476.190.476 361.454.859
Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa	Bên liên quan	Bán hàng hóa	102.736.619.285	-
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Thuận Thiên	Bên liên quan	Mua hàng hóa Thu nhập lãi Cho vay Thu tiền vay	3.753.744.205 462.891.071 - -	14.287.827.392 410.666.666 16.000.000.000 16.000.000.000
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong	Bên liên quan	Mua hàng hóa Cổ tức	8.866.190.476 -	- 381.746.000
Công ty Cổ phần Khai Thác và Quản lý Khu Công Nghiệp Đặng Huỳnh	Bên liên quan	Thu nhập lãi	-	535.641.664

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thành viên Thành Thành Công Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
VND				
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	Bên liên quan	Bán hàng hóa	22.140.000.000	154.975.000.000
Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	9.808.886.000	7.769.810.000
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa	2.695.326.131	-
Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa	Bên liên quan	Bán hàng hóa	-	53.200.900.000
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre	Bên liên quan	Bán hàng hóa	-	49.752.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Bán hàng hóa	-	42.625.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Bán hàng hóa	-	5.550.000.000
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	Bên liên quan	Bán hàng hóa	-	143.253.333
			34.644.212.131	314.016.463.333
Trả trước cho người bán				
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Thuận Thiên	Bên liên quan	Mua hàng hóa	39.602.073.700	-
Công ty Cổ phần Nghiên cứu Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công	Bên liên quan	Sử dụng dịch vụ	378.745.500	378.745.500
			39.980.819.200	378.745.500
Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Cho vay	163.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	Bên liên quan	Cho vay	109.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Cho vay	71.000.000.000	-
			343.800.000.000	-

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thành viên Thành Thành Công Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
VND				
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Gia Lai	Công ty con	Cho mượn	18.900.000.000	-
Công ty Cổ phần Dầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Tiền lãi	1.166.633.334	336.368.056
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	Bên liên quan	Tiền lãi	1.100.663.611	840.213.667
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Tiền lãi	359.152.778	149.135.882
Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh	Công ty mẹ	Tiền lãi	300.569.445	-
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre	Bên liên quan	Chi hộ	51.418.000	51.418.000
Công ty TNHH Thương mại Dầu tư Thuận Thiên	Bên liên quan	Tiền lãi	290.726.719	800.877.048
	Bên liên quan	Tiền lãi	90.872.634	84.828.913
			22.260.036.521	2.262.841.566
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong	Bên liên quan	Mua hàng hóa	9.309.500.000	-
Công ty Cổ phần Dầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Sử dụng dịch vụ Mua hàng hóa	594.162.465	611.557.198
			-	220.683.100
Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh	Công ty mẹ	Mua hàng hóa	184.723.125	582.601.621
		Sử dụng dịch vụ	-	677.500.000
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công	Bên liên quan	Sử dụng dịch vụ	36.271.800	315.083.943
Công ty TNHH Thương mại Dầu tư Thuận Thiên	Bên liên quan	Mua hàng hóa	-	282.386.000
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	Bên liên quan	Mua hàng hóa	-	13.200.000
			10.124.657.390	2.703.011.862

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả bên liên quan như sau:
(tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Mua hàng hóa	150.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Mua hàng hóa	88.740.000.000	-
			238.740.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Gia Lai	Công ty con	Mượn	-	6.514.109.964

31. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.



Dương Thúy Hằng
Người lập



Nguyễn Văn Kim Cương
Kế toán trưởng



Nguyễn Bá Chủ
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 4 năm 2017